

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 3 trang 85: Chính tả](#)
2. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 3 trang 88: Chính tả](#)

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 3 trang 85: Chính tả

Chọn làm bài tập 1 hoặc 2:

Câu 1. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống rồi ghi lời giải đó:

- (dì/gì, rẻo/dẻo, ra/da, duyên/ruyên)

Cây gai mọc đầy mình

Tên gọi như thể bông bênh bay lên

Vừa thanh, vừa lại bền

Làm bàn ghế, đẹp bao người?

(Là cây ...)

- (gì/rì, dítu dan/ rítu ran)

Cây hoa đỏ như son

Tên gọi như thể thổi cơm ăn liền

Tháng ba, đàn sáo huyền thuyên

.... đến đậu đầy trên các cành?

(Là cây...)

Câu 2. Điền vào chỗ trống **ất hoặc **ắc**:**

- Tháng chạp thì m... trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà

Tháng ba cày vỡ ruộng ra

Tháng tư b..... mạ, thuận hoà mọi nơi

Tháng năm g.... hỏi vừa rồi

Bước sang tháng sáu, nước trôi đầy đồng

- Đèo cao thì m.... đèo cao

Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn đèo.

Đường lên, hoa lá vẫy theo

Ng.... hoa cài mũ tai bèo, ta đi.

TRẢ LỜI:

Câu 1. Chọn những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống rồi ghi lời giải đó :

- (dì/gì, rẻo/đẻo, ra/da, duyên/ruyên)

Cây **gì** gai mọc đầy mình

Tên gọi như thể bông bênh bay lên

Vừa thanh, vừa **đẻo** lại bền

Làm ra bàn ghế, đẹp **duyên** bao người?

(Là cây **mây**)

- (gì/rì, dứu dan/rứu ran)

Cây **gì** hoa đỏ như son

Tên gọi như thể thổi cơm ăn liền

Tháng ba, đàn sáo huyền thuyên

Rứu ran đến đậu đầy trên các cành?

(Là cây **gạo**)

Câu 2. Điền vào chỗ trống **ăt** hoặc **ăc**:

- Tháng chạp thì **mắc** trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà

Tháng ba cày vỡ ruộng ra

Tháng tư bắc mạ, thuận hoà mọi nơi

Tháng năm **gặt** hái vừa rồi

Bước sang tháng sáu, nước trôi đầy đồng

- Đèo cao thì **mặc** đèo cao

Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn đèo.

Đường lên, hoa lữ vẫy theo

Ngắt hoa cài mũ tai bèo, ta đi.

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 3 trang 88: Chính tả

Câu 1. Viết vào chỗ trống trong bảng:

5 từ có vần **ui** 5 từ có vần **uôi**
M: củi,..... M: chuối,.....

Câu 2. Tìm và viết vào chỗ trống các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **d, gi** hoặc **r**, có nghĩa như sau:

- Có nét mặt, hình dáng, tính nết, màu sắc,... gần như nhau:

- Phần còn lại của cây lúa *sau* khi gặt:

- Truyền lại kiến thức, kinh nghiệm cho người khác:

b) Chứa tiếng có vần **ăt** hoặc **ăc**, có nghĩa như sau:

- Ngược với phương nam:

- Bấm đứt ngọn rau, hoa lá,... bằng hai đầu ngón tay:

- Trái nghĩa với từ rỗng:

TRẢ LỜI:

Câu 1. Viết vào chỗ trống trong bảng:

5 từ có vần **ui**

5 từ có vần **uôi**

M: củi, tụi, lụi, sủi, mũi, búi (tóc), xúi,.... M: chuối, cuối, tuổi, সুই, chuối, ruồi, ruồi, ...

Câu 2. Tìm và viết vào chỗ trống các từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **d, gi** hoặc **r**, có nghĩa như sau:

- Có nét mặt, hình dáng, tính nết, màu sắc,... gần như nhau: **giống**

- Phần còn lại của cây lúa *sau* khi gặt: **rạ**

- Truyền lại kiến thức, kinh nghiệm cho người khác: **dạy**

b) Chứa tiếng có vần **ăt** hoặc **ăc**, có nghĩa như sau:

- Ngược với phương nam: **bắc**

- Bấm đứt ngọn rau, hoa lá,...bằng hai đầu ngón tay: **ngắt**

- Trái nghĩa với rỗng: **đặc**